

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ X
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02 - 2021

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Kim Thanh

2. Ông Phan Hữu Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 561/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 462/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Hữu Ng, sinh năm 1986

Cư trú: Tổ 01, ấp Th, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Dương Hồng T, sinh năm 1989

Cư trú: Tổ 01, ấp Th, xã H, thành phố X, tỉnh An Giang

Tại phiên tòa ông Ng có mặt, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai, trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Phan Hữu Ng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Ng và bà T tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 05 tháng 4 năm 2008. Lúc đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 9 năm, thời gian sau thì bắt đầu thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, không chung ý nguyện. Đến năm 2016, bà T tự bỏ nhà đi cho đến nay không về. Nay ông Ng nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không thể tồn tại, vợ chồng đã không còn chung sống, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn bà T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông và bà T có hai con chung là cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007 và cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012. Hiện tại, hai cháu do ông Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông Ng yêu cầu được nuôi hai cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Dương Hồng T: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau ;

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Ng, bà T quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì không còn hạnh phúc nữa và hiện nay đã không còn sống chung với nhau. Mặc dù, bà T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp ý kiến, tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Ông Ng thì kiên quyết ly hôn. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn của ông, bà đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Ng ly hôn bà T theo Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Về con chung: Ông Ng và bà T có 02 con chung là cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007 và cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012, hiện do ông Ng nuôi

đường. Nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần, quyền lợi mọi mặt cho con nên cần giao hai cháu Ngọc và Nhung cho ông Ng chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Ng không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét đến. Về tài sản chung và nợ chung, ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phan Hữu Ng và bà Nguyễn Dương Hồng T kết hôn có đăng ký kết hôn; ông Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà T, hiện đang cư trú trên địa bàn thành phố X. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Nguyễn Dương Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Ng và bà T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố X vào ngày 05 tháng 4 năm 2008. Đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc bất đồng quan điểm, không chung ý nguyện, thường xuyên cãi vã, bà T bỏ nhà đi không chung sống nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông Ng yêu cầu ly hôn với bà T. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần, cũng như mở phiên tòa lần thứ hai nhưng bà T vắng mặt và không có ý kiến, điều này thể hiện bà T không có nguyện vọng đoàn tụ. Mặt khác, ông Ng và bà T không còn chung sống với nhau đã lâu, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Ng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Ông Ng xác định ông và bà T có hai con chung là cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007 và cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012; ông Ng yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Bà T không cung cấp ý kiến cho Tòa án về vấn đề con chung, cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, hai cháu Hồng N và Hồng Nh đang do bà Nghĩa nuôi dưỡng và hai cháu đều có nguyện vọng được tiếp tục sống với ông Ng, do ông Ng nuôi dưỡng. Do đó, cần ổn định việc nuôi con để tránh ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất, tinh thần của hai cháu Hồng Nh và Hồng N, tạo điều kiện cho các cháu phát triển bình thường; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Ng về việc nuôi con

chung. Về cấp dưỡng, do ông Ng không yêu cầu, bà T không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà T không có ý kiến về vấn đề này, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Ng phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 227; 228; 266; 271; 273; 278; 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Các Điều 9; 51; 53; 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phan Hữu Ng được ly hôn với bà Nguyễn Dương Hồng T.

2. Về con chung: Ông Phan Hữu Ng và bà Nguyễn Dương Hồng T có 02 (hai) con chung là cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng N, sinh ngày 11 tháng 12 năm 2007 và cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng Nh, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2012.

Ông Phan Hữu Ng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng N và cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng Nh. Ông Phan Hữu Ng và thành viên gia đình không được cản trở bà Nguyễn Dương Hồng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Ngọc, Nhung.

Về việc cấp dưỡng cho cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng N và cháu Phan Hữu Nguyễn Hồng Nh: Không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Ông Phan Hữu Ng phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0005156 ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố X (đã nộp xong).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND tp. X;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS tp. X;
- UBND x. H, tp X;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thùy Giang